

Bản án số: 21/2025/HS-ST

Ngày 25-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Anh Thư.
- Bà Đàm Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa:

+ *Tại điểm cầu trung tâm:* Bà Phạm Thị Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ *Tại điểm cầu thành phần:* Bà Bé Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa:

Tại điểm cầu trung tâm: Ông Phạm Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Tại điểm cầu thành phần: Ông Lê Duy Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 08/2025/TLST- HS ngày 10 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST- HS ngày 13/02/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Đức N; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Sinh ngày 16 tháng 8 năm 1984; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: đường N, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện nay: đường N, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Không; Cha: Bùi Văn S (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị X (đã chết); Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ: Ngô Thị C, sinh năm 1989; Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 12/7/2010, bị Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 29/12/2010, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma

túy” (theo Bản án số 244/2010/HSST), chấp hành xong hình phạt tù và được tha vào ngày 12/4/2012, đã xóa án tích.

- Ngày 14/8/2019, bị Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 07/3/2019, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù và được tha vào ngày 17/01/2020, đã xóa án tích.

- Ngày 03/3/2021, Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 15 tháng, chấp hành xong ngày 01/3/2022, đã xóa tiền sự.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 20/9/2024 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Huỳnh Tấn Đạt, sinh năm 1965 và ông Trần Minh Lộc, sinh năm 1985 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 470 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị hại: Bà Thạch Thị Phương T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 174/23 đường H, Phường 17, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Thạch Thanh S Đ, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp N, Xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Ông Đạt có mặt; ông Trần Minh Lộc có đơn xét xử vắng mặt. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 19/9/2024, Bùi Đức N dùng nạng đi bộ đến trước số 24 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave S, màu đen, xám, biển số 84K5-0871 của chị Thạch Thị Phương T đang dựng trên lề đường, không có người trông coi, chìa khóa vẫn còn cắm trong ổ khóa nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. N liền ngồi lên xe, dùng tay phải bật khóa công tắc nổ máy xe mô tô rồi điều khiển xe lưu thông cùng chiều đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1 (hướng về Chợ Bến Thành) để tẩu thoát. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, các anh Nguyễn Đức Bình, Nguyễn Hoàng Quân (Công an phường Bến Nghé, Quận 1) và anh Phạm Ngọc Long (Công an Quận 1) tiến hành truy xét đối tượng chiếm đoạt xe của chị Thanh thì phát hiện N cùng xe mô tô hiệu Honda, loại Wave S, màu đen, xám, biển số 84K5-0871 tại trước nhà số 185-187 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 nên các anh Bình, Quân, Long đưa N cùng vật chứng về trụ sở làm việc.

Tại trụ sở Công an phường, N khai nhận đã chiếm đoạt xe mô tô hiệu Honda, loại Wave S, màu đen, xám, biển số 84K5-0871 của chị Thanh nên các anh Bình, Quân và Long giao N cùng vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 tiếp tục xử lý theo thẩm quyền.

Theo Kết luận định giá tài sản số 162/KL-HĐĐGTS ngày 23/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận 1 kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave S, màu đen, xám, biển số 84K5-0871 trị giá 4.533.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Đức N khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của N phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, hình ảnh camera tại hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản đối chất và các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave S, màu đen, xám, biển số 84K5-0871. Qua xác minh do anh Thạch Thanh Sô Địa đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Anh Thạch Thanh Sô Địa khai vào năm 2007, chị Thạch Thị Phương T mua xe mô tô trên và nhờ anh Sô Địa đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký xe, sau khi làm thủ tục đăng ký xe xong, anh Sô Địa giao xe mô tô trên và Giấy chứng nhận đăng ký xe cho chị Thanh sử dụng cho đến nay. Hiện xe mô tô trên đã thu hồi trả lại cho chị Thanh.

Về vật chứng, thu giữ của Bùi Đức N: 01 cây nạng; 01 quần ống ngắn, màu ri xám và 01 áo chất liệu thun, có sọc ngang màu trắng.

Hiện các vật chứng đang tạm giữ theo Phiếu nhập kho vật chứng số 304/2024/PNK-THAHS ngày 01/10/2024 tại Đội Cảnh sát thi hành án và Hỗ trợ tư pháp Công an Quận 1.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Thạch Thị Phương T đã nhận lại được tài sản, không có yêu cầu bồi thường dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 16/CT-VKS-Q1 ngày 09/01/2025, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố và kết luận bị cáo Bùi Đức N phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Đức N được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 do bị cáo bị khuyết tật với tỷ lệ tổn

thương cơ thể là 61% áp dụng quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Bùi Đức N từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Đối với vật chứng của vụ án, đề nghị Tòa án xử lý theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, cụ thể:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 cây nạng; 01 quần ống ngắn, màu ri xám và 01 áo chất liệu thun, có sọc ngang màu trắng.

Người bào chữa cho bị cáo - ông Huỳnh Tấn Đạt trình bày tranh luận: Ông thống nhất với tội danh, các tình tiết giảm nhẹ của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 trình bày tại bản luận tội; Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân và hoàn cảnh gia đình của bị cáo. Bị cáo là người khuyết tật với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 61%, không có việc làm và thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình vô cùng khó khăn, hơn nữa bị cáo có ba người con nhỏ cần phải chăm sóc. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định một mức án nhẹ hơn mức án so với mức án Viện kiểm sát đề nghị.

Đại diện viện kiểm sát không tranh luận ý kiến.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Đức N đã khai nhận hành vi phạm tội như Kết luận điều tra và Cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì và nói lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, người làm chứng trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 13 giờ ngày 19/9/2024 tại trước số 24 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Bùi Đức N lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave S, màu đen, xám, biển số 84K5-0871 của chị Thạch Thị Phương T, trị giá 4.533.000 đồng, đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Đức N đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự cho xã hội. Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân vẫn cố tình thực hiện. Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng 02 lần bị kết án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng bị cáo N không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để thay đổi bản thân, chăm sóc gia đình, nuôi dạy các con mà tiếp tục phạm tội. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử sẽ xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo để có mức án phù hợp với hành vi phạm tội nhằm răn đe đối với bản thân bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, nhận thấy bị cáo Bùi Đức N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, do bị cáo bị khuyết tật với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 61% áp dụng quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có công việc ổn định, là người tàn tật, không có thu nhập ổn định nên đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 về việc không phạt bổ sung bị cáo là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về xử lý vật chứng:

Vật chứng vụ án: 01 cây nạng; 01 quần ống ngắn, màu ri xám và 01 áo chất liệu thun, có sọc ngang màu trắng là các vật chứng bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Bùi Đức N chịu 200.000 đồng mỗi bị cáo theo quy định của pháp luật.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bùi Đức N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt Bùi Đức N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giam 20/9/2024.

- Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 cây nạng; 01 quần ống ngắn, màu ri xám và 01 áo chất liệu thun, có sọc ngang màu trắng.

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 1411/LNK-ĐTTH ngày 25/9/2024 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Áp dụng Điều 135; 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Bùi Đức N chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo Bùi Đức N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

- Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Công an TP.HCM (PC 53 - Đ3);
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Công an Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Thi hành án hình sự Quận 1;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ.

Nguyễn Hồng Hạnh

